TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2026/HNGĐ-ST
Ngày 13- 7- 2026
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Văn Tha

Các hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Minh Thành và bà Nguyễn Thị Thu Ba

Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Oanh – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2026 tại Toà án nhân dân khu vực 3 – Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 81/2026/TLST – HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2026 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2026/QĐXXST- HNGĐ, ngày 08 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2026/QĐST-HNGĐ ngày 25/6/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị Hồng V, sinh năm 1982 – Có mặt
Nơi thường trú: 62A Ngô Quyền, xã Q, tỉnh Đắk Lắk
Hiện trú tại: 145 – 147 thôn T, xã Q, tỉnh Đắk Lắk

Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân Q, sinh năm 1975 – Vắng mặt
Nơi thường trú: 62A Ngô Quyền, xã Q, tỉnh Đắk Lắk
Hiện trú tại: 145 – 147 thôn T, xã Q, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày: Chị Phan Thị Hồng V và anh Nguyễn Xuân Q, kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã Q, tỉnh Đắk Lắk) ngày 25/12/2000. Qúa trình chung sống thường phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Từ năm 2021 đến nay chị và anh Q không còn sống chung. Chị V nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị V được ly hôn với anh Nguyễn Xuân Q.

Về con chung: Chị V và anh Nguyễn Xuân Q có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Vân T, sinh ngày 14/02/2002 và cháu Nguyễn Thị Vân N, sinh ngày 03/12/2003,

các cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhưng anh Nguyễn Xuân Q đều vắng mặt, do đó Tòa án không tiến hành lấy lời khai, không hòa giải được.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án;

Về tố tụng: Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Bị đơn không thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phan Thị Hồng V

Chị Phan Thị Hồng V được ly hôn với anh Nguyễn Xuân Q.

Về án phí: Chị Phan Thị Hồng V phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đắk Lắk.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn Nguyễn Xuân Q vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Hồng V và anh Nguyễn Xuân Q kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã Q, tỉnh Đắk Lắk) ngày 25/12/2000, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong cuộc sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là vợ chồng tính tình không hợp, nên thường xảy ra cãi vã và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị V và anh Q đã trầm

trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt. Như vậy việc chị V làm đơn ly hôn với anh Q là chính đáng cần được chấp nhận.

[4]. Về con chung: Chị V và anh Q có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Vân T, sinh ngày 14/02/2002 và cháu Nguyễn Thị Vân N, sinh ngày 03/12/2003. Các cháu khỏe mạnh và đã trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Phan Thị Hồng V phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị Hồng V.

Chị Phan Thị Hồng V được ly hôn với anh Nguyễn Xuân Q.

Về án phí: Chị Phan Thị Hồng V phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0001937, ngày 27/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Khu vực 3 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS Khu vực 3 – Đắk Lắk;
- UBND xã Q, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Văn Tha